

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 5 - 2020

V/v trẢh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DẠH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về trẢh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 26/2, ấp 1B, xã A Thạnh, huyện Bến L, tỉnh Long A.

2. Bị đơn: **Ah Lê Văn N**, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Thuận Hòa, xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H trình bày: Qua thời giA tìm hiểu, chị và Ah Lê Văn N được hai bên gia đình chấp thuận, cho tổ chức đám cưới và Ah chị đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã A Thạnh, huyện Bến L, tỉnh Long A ngày 06/6/2013. Sau khi kết hôn, Ah chị sống tại nhà của chị H thuộc ấp 1B, xã A Thạnh, huyện Bến L, tỉnh Long A. Quá trình chung sống, Ah chị có 02 con chung (sinh đôi) là cháu Lê Văn Long và Lê Văn A, cùng sinh ngày 02/8/2013. Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và Anh N không hạnh phúc, nguyên nhân do

vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi nhau. Thực tế, Anh N đã bỏ nhà đi từ ngày 17/9/2017, cách đây 02 tháng Anh N mới về thăm con được khoảng 25 phút rồi lại đi luôn. Suốt thời gian bỏ đi, Anh N cũng không qua tâm, hỏi hỏi vợ con, chỉ điện thoại về nhà được khoảng 06 lần. Mặc dù chị phải tự lập kinh tế lo cho hai con nhưng vẫn cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, kêu Anh N về nhà sống nhưng không biết vì lý do gì Anh không về nhà, bỏ mặc vợ con. Chị xét thấy không còn tình cảm với Anh N nên khởi kiện xin ly hôn với Anh N.

Về con, từ khi sinh con cho đến nay, hai con Lê Văn L và Lê Văn A1 vẫn sống cùng với chị và chị vẫn đảm bảo cuộc sống cho các con đầy đủ vật chất và tinh thần, do đó chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con và chị không yêu cầu Anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Ngọc H ly hôn với Anh Lê Văn N.

Về nuôi con chung: Giao hai cháu Lê Văn L và Lê Văn A, cùng sinh ngày 02/8/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Anh Lê Văn N nhưng Anh N không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt Anh N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quA hệ hôn nhân: Chị H và Anh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A Thạnh, huyện Bến L, tỉnh Long A ngày 06/6/2013, do đó hôn nhân giữa chị H và Anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống, mặc dù Ah chị có 02 con chung là cháu Lê Văn L và Lê Văn A1, cùng sinh ngày 02/8/2013, nhưng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Anh chị thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, theo trình bày của chị H Anh N bỏ nhà đi từ ngày 17/9/2017 đến nay đã gần 03 năm nhưng các cuộc điện thoại và gặp mặt gia đình rất ít, chỉ khoảng vài lần, điều này cho thấy giữa Ah chị không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị H không còn tình cảm vợ chồng với Anh N, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị H ly hôn với Anh N theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Hai cháu Lê Văn L và Lê Văn A, cùng sinh ngày 02/8/2013, là con chung của Ah chị, từ khi sinh cho đến nay các cháu vẫn sinh sống với mẹ tại ấp 1B, xã A Thạnh, huyện Bến L, tỉnh Long A, xét thấy chị H có thu nhập ổn định từ nghề nghiệp công nhân (thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng) và có kinh doanh tiệm tạp hóa tại nhà nên về mặt kinh tế chị độc lập và đảm bảo lo cho các con đầy đủ vật chất, hơn nữa chị H vẫn làm tròn trách nhiệm của người mẹ, do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, cần giao hai cháu Lê Văn L và Lê Văn A, cùng sinh ngày 02/8/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha/mẹ không trực tiếp nuôi, tuy nhiên Anh N không có ý kiến tại Tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của Anh về việc cấp dưỡng nuôi con, xét nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi hai con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng, giữa Anh chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 N quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy BA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Ngọc H ly hôn với Ah Lê Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Lê Văn L và Lê Văn A, cùng sinh ngày 02/8/2013 cho chị Huỳnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Ah Lê Văn N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ngọc H về việc không yêu cầu Ah Lê Văn N cấp dưỡng nuôi hai con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Phụng đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009073 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Ah Lê Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã A Thạnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Liệu Phạm Hồng Gái

Nguyễn Thị Tuyết Mai